TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2025/HNGĐ-ST
Ngày 05 - 12 - 2025
V/v "*Tranh chấp về ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Lộc

Ông Phạm Hồng Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Tín - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 13 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 13 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Bùi Đức Huân - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 13 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 151/2025/TLST-HNGĐ ngày 28/10/2025 về việc "Tranh chấp về ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/11/2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thu D, sinh năm 1974. HKTT: Số 132 đường L, ấp A, xã H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ hiện nay: Đường số 1, thôn N, xã G, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- **Bị đơn:** Ông Trần Văn H, sinh năm 1971. HKTT: Số 132 đường L, ấp A, xã H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ hiện nay: 4 Ô 2/16 ấp A, xã H, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

NỘI D VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thu D trình bày:

Năm 1993, tôi và ông Trần Văn H quen biết nhau. Sau một thời gian tìm hiểu thì chúng tôi phát sinh tình cảm và muốn gắn bó lâu dài với nhau nên chúng

tôi đã tổ chức đám cưới rồi chuyển về chung sống với nhau. Tuy nhiên đến năm 2002 chúng tôi mới đi đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (cũ) cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 47 ngày 02/5/2002. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc.

Thời gian đầu chúng tôi chung sống hoà thuận, hạnh phúc nhưng khoảng mấy năm trở lại đây thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông H thường xuyên ăn nhậu, cờ bạc, gái gú rồi về đánh đập vợ con nên hai vợ chồng xảy ra cãi vã, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Mặc dù tôi đã nhiều lần cố gắng cho ông H cơ hội sửa chữa nhưng ông H vẫn không thay đổi, mâu thuẫn giữa hai người càng ngày càng trầm trọng.

Nay nhận thấy tình cảm dành cho nhau không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, chúng tôi cũng đã sống ly thân từ tháng 7/2025 đến nay nên nay tôi khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Trần Văn H.

+ Về con chung: Chúng tôi có 03 con chung là cháu Trần Văn T, sinh ngày 12/11/1994; cháu Trần Kim N, sinh ngày 13/10/2002; cháu Trần Hoài N, sinh ngày 12/11/2007. Hiện nay cả 3 cháu đều đã đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung: Tôi xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Tôi xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông Trần Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi thống nhất với lời trình bày của bà D.

Về mâu thuẫn: Tôi xác nhận giữa chúng tôi có mâu thuẫn, tôi có chửi mắng bà D nhưng không đánh đập. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do bà D có cặp kè với người đàn ông khác nên tôi mới tức và chửi bà D.

Quá trình chung sống tôi và bà D có 03 con chung là cháu Trần Văn T, sinh ngày 12/11/1994; cháu Trần Kim N, sinh ngày 13/10/2002; cháu Trần Hoài N, sinh ngày 12/11/2007. Hiện nay cả 03 cháu đều đã trưởng thành và đều có khả năng lao động bình thường.

Về tài sản chung, nợ chung thì tôi xác định chúng tôi không có tài sản chung, không có nợ chung.

Hiện nay tôi vẫn còn tình cảm với bà D nên tôi không đồng ý ly hôn. Nếu trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà D thì tôi không có ý kiến hay yêu cầu gì.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án và không ai cung cấp tài

liệu chứng cứ gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 13 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Theo nội D đơn khởi kiện, bà Nguyễn Thu D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Trần Văn H nên xác định đây là "Tranh chấp về ly hôn" quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Trần Văn H có hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh sống tại xã H, Thành phố Hồ Chí Minh nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc về Tòa án nhân dân Khu vực 13 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thu D, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thu D và ông Trần Văn H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (cũ) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 47 ngày 02/5/2002. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Bà D và ông H đều xác nhận thời gian đầu hai người chung sống hoà thuận, hạnh phúc nhưng mấy năm gần đây thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Theo bà D thì nguyên nhân là do ông H thường xuyên ăn nhậu, cờ bạc, gái gú rồi về đánh đập vợ con. Còn theo ông H thì nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do bà D cặp kè với người đàn ông khác nên ông H tức giận mới chửi mắng bà D, còn việc đánh đập là hoàn toàn không có. Tại phiên tòa các con của ông Hải và bà D đều khẳng định mâu thuẫn trong gia đình xuất phát từ phía ông Hải như lời bà D trình bày.

Như vậy nhận thấy mâu thuẫn giữa ông H và bà D là hoàn toàn có thật và đã kéo dài qua nhiều năm. Mặc dù hai bên đã cố gắng hàn gắn nhiều lần nhưng không thành, tại phiên tòa cả hai xác nhận đã sống ly thân được gần nửa năm nay và không còn quan tâm đến nhau. Bà D cũng khẳng định tình cảm dành cho ông H đã hết và muốn ly hôn để cả hai có cuộc sống riêng. Vì vậy, xác định mâu thuẫn giữa bà D và ông H là trầm trọng, tình cảm vợ chồng hiện nay không còn và mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly

hôn của bà D theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung:

Ông H và bà D xác nhận trong thời gian chung sống vợ chồng thì ông H và bà D có 03 con chung là cháu Trần Văn T, sinh ngày 12/11/1994; cháu Trần Kim N, sinh ngày 13/10/2002; cháu Trần Hoài N, sinh ngày 12/11/2007.

Xét thấy hiện nay cả 03 cháu đều đã đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động nên không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung:

Do ông H và bà D đều xác nhận không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí lệ phí Tòa án thì nguyên đơn bà D phải chịu án phí ly hôn theo quy định. Ông H không phải chịu.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thu D về việc "Ly hôn" đối với ông Trần Văn H.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thu D được ly hôn với ông Trần Văn H.

- Về con chung: Ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thu D có 03 con chung là cháu Trần Văn T, sinh ngày 12/11/1994; cháu Trần Kim N, sinh ngày 13/10/2002; cháu Trần Hoài N, sinh ngày 12/11/2007. Hiện nay cả 3 cháu đều đã đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động nên không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thu D phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm

ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0030553 ngày 24/10/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà D đã nộp đủ án phí.

Ông Trần Văn H không phải chịu án phí sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (05/12/2025) lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ, liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP HCM;
- VKSND Khu vực 13-TP HCM;
- THADS TP Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS Khu vực 13-TP HCM;
- UBND xã H, TP HCM;
(GCNKH số 47 ngày 2/5/2002);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Thị Ngân